

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN SINH
NGÔN NGỮ DỰA TRÊN HỌC PHẦN NGỮ PHÁP
THỰC HÀNH TỪ THỰC TIỄN KHOA TIẾNG ANH -
VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**

DEVELOPING LEARNERS' PRODUCTIVE SKILLS BASED ON
ENGLISH GRAMMAR A CASE STUDY AT ENGLISH FACULTY OF
HANOI OPEN UNIVERSITY

LÊ VĂN THANH
(TS; Viện Đại học Mở Hà Nội)

Abstract: It is a sad paradox that university English majors still have poor language performance despite their excessive, systematic exposure to English grammar. Many of the learners' sentences are grammatically inaccurate, impairing their communication competence to a considerable extent. For this reason, the paper is aimed to investigate how English grammar is taught to English majors of Hanoi Open University, and, based on this, recommend some solutions to enhancing the learners' productive skills through the Grammar course.

Key words: English majors; language performance; grammar; communication competence; productive skills; Grammar course.

1. Đặt vấn đề

Trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh ở các trường đại học có khoa chuyên ngữ, sinh viên được học ngữ pháp một cách có hệ thống, chuyên sâu, và thường có sự ưu ái về thời lượng học trên lớp. Tuy nhiên, điều nghịch lý ở đây là năng lực sản sinh ngôn ngữ (đặc biệt kỹ năng nói và viết) của sinh viên không vì thế mà được tốt lên. Rất nhiều câu nói, câu viết của người học bị đánh giá là chưa chuẩn về ngữ pháp, ảnh hưởng rất nhiều đến năng lực giao tiếp của người học, đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc các em chưa đạt được chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chuẩn năng lực bậc 5/6, Kế hoạch 808/KH-BGDĐT). Xuất phát từ thực tế đó, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tìm hiểu thực trạng dạy và học môn Ngữ pháp tiếng Anh ở một đơn vị cụ thể: Khoa tiếng Anh - Viện Đại học Mở Hà Nội, từ đó đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao hiệu quả môn học Ngữ pháp nói riêng, và tăng cường năng lực sản sinh ngôn ngữ dựa trên môn học nói chung cho sinh viên chuyên ngữ các trường đại học, cao đẳng.

2. Thực trạng

2.1. Chương trình môn học, giáo trình

Trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh theo hệ thống tín chỉ của Viện Đại học Mở Hà Nội, môn Ngữ pháp tiếng Anh có thời lượng 04 tín chỉ, được chia thành hai học phần: học phần thực hành (02 tín chỉ) và học phần lý thuyết (02 tín chỉ). Trong học phần Ngữ pháp thực hành (dành cho sinh viên năm thứ nhất), sinh viên được học các chủ

điểm về từ loại, cụm từ, mệnh đề và câu. Tài liệu học tập là sự kết hợp giữa giáo trình do Khoa biên soạn và giáo trình nước ngoài. Ngoài ra, sinh viên còn được học kiến thức ngữ pháp bổ trợ từ các học phần khác, đặc biệt là các học phần thực hành tiếng (Nghe, Nói, Đọc, Viết).

Dựa vào nội dung chương trình và giáo trình của học phần Ngữ pháp thực hành, có thể đưa ra một số nhận xét như sau:

– Đối với nội dung chương trình môn học chính thức, nhìn chung sinh viên được học gần như đầy đủ các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh cơ bản, cần thiết cho việc sản sinh và tiếp nhận tiếng Anh. Mỗi chủ điểm đều có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Phần bài tập đa dạng và phong phú. Tuy nhiên có thể nhận thấy lượng kiến thức ngữ pháp trong từng bài học dường như quá nhiều.

– Kiến thức và dạng thức bài tập ngữ pháp chủ yếu được trình bày theo đường hướng cấu trúc luận, không theo đường hướng giao tiếp, do vậy sinh viên có thể tiếp thu các quy tắc rất nhanh nhưng lại gặp nhiều hạn chế trong việc vận dụng trong giao tiếp (nói hoặc viết).

– Đối với kiến thức ngữ pháp bổ trợ ở các môn học khác thì lượng kiến thức hoặc là khá đơn giản, hoặc quá hàn lâm. Nếu so sánh nội dung chương trình môn học chính khóa và kiến thức ngữ pháp bổ trợ từ các môn học khác có thể nhận thấy rằng giữa các kiến thức này thiếu đi tính kế thừa và bổ trợ, cũng như không có tính hệ thống.

2.2. Phương pháp và hình thức giảng dạy

Phương pháp giảng dạy ngữ pháp chủ đạo là phương pháp diễn dịch (*deductive*), không có nhiều bài giảng áp dụng phương pháp quy nạp (*inductive*). Thế mạnh của phương pháp diễn dịch là người dạy được chủ động trong việc truyền tải kiến thức ngữ pháp, và do vậy thường tiết kiệm được thời gian giảng dạy. Tuy nhiên phương pháp này thường gây cảm giác nhàm chán cho người học nếu bị “nhồi” quá nhiều kiến thức trong một buổi học.

Liên quan đến hình thức giảng dạy, hiện nay ở Khoa tiếng Anh - Viện Đại học Mở Hà Nội đang tồn tại ba hình thức giảng dạy môn ngữ pháp phổ biến: (i) giáo viên sử dụng bài giảng powerpoint dưới hình thức thuyết trình, (ii) sinh viên chuẩn bị bài học dưới dạng powerpoint, thuyết trình trước lớp, và (iii) giáo viên sử dụng sách giáo trình, giải thích theo trình tự trong sách. Với hình thức (i), bài giảng thường sinh động nhờ hiệu ứng powerpoint, nhưng nếu giáo viên lạm dụng, kéo dài trong giờ học thì dễ dẫn đến vai trò của người học sẽ bị giảm thiểu và mất động lực học tập. Với hình thức (ii), người học ở vị trí trung tâm trong quá trình đào tạo, giữ vai trò chủ động trong việc lĩnh hội kiến thức, khuyến khích sự chia sẻ kiến thức giữa người học. Điểm yếu của hình thức này là nếu bị lạm dụng, cũng như thiếu sự giám sát và tư vấn từ giáo viên, người học sẽ không lĩnh hội được trọng tâm của từng chủ điểm ngữ pháp. Hình thức (iii) giúp người dạy không phải chuẩn bị nhiều, nhưng nhược điểm của hình thức này là nhàm chán, không kích thích người học, người dạy trở thành trung tâm của quá trình đào tạo, còn người học trở nên thụ động.

2.3. Phương pháp học tập

Trong quá trình giảng dạy, chúng tôi quan sát nhận thấy sinh viên thiếu phương pháp học tập hiệu quả. Phần lớn người học có tâm lý chờ đợi bài giảng của giáo viên, chưa hình thành thói quen tự học trước và sau buổi học. Đối với phần thực hành, đại đa số sinh viên chỉ mới chú trọng đến các phần luyện tập trong sách giáo khoa, chưa khai thác hệ thống bài tập trong các tài liệu ngữ pháp tham khảo khác. Ngoài ra, sinh viên

đường như chú trọng quá nhiều đến việc luyện cấu trúc trong bài tập mà không ý thức được rằng việc vận dụng các hình thái cấu trúc vào sản sinh câu mới là mục tiêu chính của bộ môn ngữ pháp.

2.4. Hình thức kiểm tra - đánh giá

Trong chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, mỗi một môn học có ba đầu điểm: điểm chuyên cần, giữa và cuối học phần. Trong những năm vừa qua, bài thi ngữ pháp giữa và cuối học phần thường ở dạng thức trắc nghiệm, điền ô trống, hay viết lại câu. Nhìn chung, điểm giữa và cuối học phần chưa thật sự phản ánh được hết năng lực của người học vì các dạng thức đề thi chưa khuyến khích người học vận dụng kiến thức ngữ pháp một cách độc lập trong việc sản sinh ngôn ngữ. Ngoài ra, việc đánh giá kết quả học tập chỉ dựa vào một bài kiểm tra nên chưa thể phản ánh năng lực và quá trình học tập của người học một cách toàn diện và khách quan.

3. Đề xuất giải pháp

Xuất phát từ thực trạng miêu tả trên, nhằm mục tiêu nâng cao năng lực tiếng của người học dựa trên học phần ngữ pháp thực hành để có thể đáp ứng được chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020, chúng tôi thiết nghĩ cần có sự cải tiến về chương trình, giáo trình môn học, phương pháp dạy - học, hình thức kiểm tra - đánh giá theo hướng phát triển năng lực ngôn ngữ của người học và lấy người học làm đối tượng phục vụ chính của quá trình đào tạo.

3.1. Chương trình môn học, giáo trình

Đối với chương trình môn học, để giải quyết thực trạng học nhiều nhưng không vận dụng được bao nhiêu, cần thiết kể lại nội dung môn học theo hướng tinh giản lý thuyết, tăng tính thực hành. Bên cạnh đó, cần tính đến một tỉ lệ hợp lý giữa lượng kiến thức học trên lớp và lượng kiến thức tự học. Nói chung, nội dung dạy - học trên lớp chỉ nên là những vấn đề cơ bản, nền tảng, còn những vấn đề chuyên sâu hơn, chi tiết hơn nên đưa vào nội dung tự học.

Liên quan đến kiến thức tự học, để giúp người học tự học một cách hiệu quả chương

trình môn học cần xây dựng được các nội dung tự học cụ thể và danh mục tài liệu tự học chi tiết đến tận đơn vị chương, mục và số trang liên quan đến từng chủ đề tự học. Hệ thống tài liệu tự học (bao gồm luôn cả bài tập bổ trợ) cần đưa lên trang web của cơ sở đào tạo, phục vụ cho công tác quản lý của nhà trường, đồng thời hỗ trợ việc tiếp cận học liệu của người học.

Đối với giáo trình, cần ưu tiên sử dụng các giáo trình có sự tích hợp kiến thức ngữ pháp vào các hoạt động sản sinh ngôn ngữ. Về lâu dài phải hướng đến sự tương thích giữa nội dung trong giáo trình môn học ngữ pháp với nội dung ngữ pháp trong các giáo trình thực hành tiếng, và với cả nội dung ngữ pháp, lượng từ vựng tương ứng với các cấp độ được mô tả trong Khung tham chiếu Châu Âu. Bên cạnh sự tương thích về nội dung, cũng cần có sự tương thích về kế hoạch giảng dạy để nâng cao hiệu quả của lượng kiến thức bổ trợ.

3.2. Phương pháp và hình thức giảng dạy

Để tạo hứng thú học môn ngữ pháp, cũng như nhằm khuyến khích người học chủ động tiếp thu kiến thức, giáo viên bộ môn cần khéo léo kết hợp phương pháp diễn dịch và phương pháp quy nạp theo đường hướng giao tiếp (*communicative approach*). Tuy nhiên cần lưu ý rằng, trong khi phương pháp quy nạp phát huy khả năng tư duy của người học, đề cao tính trung tâm của người học, nó lại là một phương pháp sử dụng nhiều thời gian hơn so với phương pháp diễn dịch. Do vậy nếu lạm dụng phương pháp này, giáo viên sẽ đối mặt với nguy cơ không hoàn thành được mục tiêu của bài học.

Việc vận dụng các thủ thuật theo hai phương pháp trên cần được cân nhắc theo các yếu tố như: độ tuổi người học, cơ sở vật chất phòng học, thời lượng môn học, số lượng người học, kiến thức nền của người học,...

Đối với hình thức giảng dạy, giáo viên cần khéo léo kết hợp bài giảng dưới hình thức powerpoint với phần chuẩn bị trước của người học. Để sinh viên trở thành chủ thể của quá trình đào tạo, giáo viên nên khuyến khích sinh viên làm việc theo nhóm, thuyết trình nội dung chuẩn

bị trước lớp, tiếp nhận và giải đáp thông tin liên quan đến chủ điểm bài học từ các nhóm khác, đồng thời giáo viên sẵn sàng đưa ra những nhận xét, tóm tắt lại các vấn đề trọng tâm của bài học.

Điều quan trọng là người dạy phải truyền tải và vận dụng được triết lý của môn ngữ pháp, đó là: dạy các chủ điểm ngữ pháp không phải là chỉ dạy cho mỗi môn ngữ pháp, dạy sao cho người học thi ngữ pháp không bị điểm kém, mà là dạy để sao cho người học có thể vận dụng được trong giao tiếp, có thể nói đúng ngữ pháp, viết đúng ngữ pháp, đáp ứng được các nhu cầu giao tiếp cần thiết. Do vậy, trong quá trình dạy ngữ pháp người dạy cần hướng người học vận dụng kiến thức ngữ pháp đã học vào việc sản sinh ngôn ngữ. Ví dụ, khi học bài về tính từ sinh viên có thể luyện tập bằng cách nói hoặc viết miêu tả một người hay vật trong đó có sử dụng càng nhiều tính từ càng tốt, hoặc khi học câu tường thuật sinh viên luyện tập bằng tường thuật (nói hoặc viết) các tin tức xảy ra trong tuần,... Chỉ có như thế người học mới có thể nhớ và sử dụng đúng các quy tắc ngữ pháp trong giao tiếp.

3.3. Phương pháp học tập

Để nâng cao hiệu quả bài học, sinh viên nhất thiết phải có sự chuẩn bị bài học trước, từ nhiều nguồn học liệu nhằm giảm thiểu sự lệ thuộc vào bài giảng của thầy cô giáo trên lớp. Một giờ học ngữ pháp thành công là một giờ học mà trong đó người học giữ vai trò tích cực, chủ động trao đổi kiến thức với thầy cô giáo, cả những vấn đề các em đã hiểu lẫn chưa hiểu. Sau giờ học, sinh viên cần giải quyết các nội dung tự học theo sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn, đồng thời chủ động làm các bài tập trong sách giáo khoa và tài liệu bổ trợ có liên quan đến nội dung bài học. Tất cả những hoạt động trên sẽ trở nên hiệu quả hơn nếu sinh viên làm việc theo nhóm. Hoạt động nhóm sẽ giúp sinh viên có cơ hội chia sẻ kiến thức và tăng cường giao tiếp bằng tiếng Anh.

3.4. Hình thức kiểm tra - đánh giá

Như đã trình bày trong phần thực trạng, điểm giữa học phần hiện nay đang được đánh giá chỉ dựa vào một bài kiểm tra, do vậy kết quả này

chưa đánh giá được nỗ lực của người học trong cả một quá trình học tập. Theo người viết, điểm giữa học phần nên được đánh giá theo quá trình, dựa vào nỗ lực và hiệu quả tự học của sinh viên. Đây cũng chính là cách để giáo viên kiểm soát và đánh giá phần tự học của người học.

Còn với bài thi cuối học phần, hình thức câu hỏi nên có sự đa dạng, kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận. Cần có phần câu hỏi khuyến khích thí sinh sử dụng kiến thức tổng hợp ngữ pháp vào sản sinh ngôn ngữ, như viết một đoạn văn ngắn hay viết câu có sử dụng một số từ khóa chẳng hạn. Hình thức bài tập này sẽ hạn chế thí sinh học lệch, học một cách máy móc và giúp giáo viên có sự nhìn nhận đúng về kiến thức ngữ pháp của sinh viên.

4. Lời kết

Môn ngữ pháp là một môn học quan trọng, một môn học cho mọi môn học khác trong chương trình đào tạo tiếng. Việc nâng cao kiến thức về ngữ pháp cho người học, do vậy, là công việc cần thiết và là công việc chung của ba đối tượng: người quản lý, người dạy và người học. Để nâng cao năng lực sản sinh ngôn ngữ dựa trên học phần ngữ pháp các cơ sở đào tạo cần có cuộc cách mạng thật sự ở các lĩnh vực như chương trình, giáo trình, phương pháp dạy - học, cũng như hình thức kiểm tra đánh giá theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo. Đích cuối cùng của môn học là

nâng cao năng lực sản sinh và tiếp nhận ngôn ngữ cho người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Luật giáo dục 2005 Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kì họp thứ 7.
2. Thủ tướng Chính phủ (1968), *Chỉ thị số 43/TTg ngày 11/4/1968 về phương hướng và nhiệm vụ dạy và học ngoại ngữ ở các trường ĐH, trung học chuyên nghiệp và các trường phổ thông*.
3. Thủ tướng chính phủ (2008), *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020*. (Ban hành theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008.)
4. Kế hoạch 808/KH-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 16/08/2012.

Tiếng Anh:

5. Thornbury S. (1991), *How to teach grammar*. Longman.
6. Brown H. D. (2007), *Teaching by principles: an interactive approach to language pedagogy (3rd Edition)*. Longman.
7. Harmer J. (1987), *Teaching and learning grammar*. Pearson P T R.
8. Meszaros M. (2008), *Traditional methods and the communicative approach in language teaching*. VDM Verlag Dr. Mueller e.K.
9. Scrivener J. (2010), *Teaching English grammar*. Macmillan Education.